

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị U, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

Tôi và chị Huỳnh Thị U do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 02 năm thì kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 06/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống ổn định và có 04 người con chung. Khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau do vợ tôi đi mua bán nhưng không về nhà. Đến tết năm 2019 thì chị Ubỏ nhà đi đến nay không về và sống chung với người đàn ông khác có con chung. Từ đó đến nay tôi và vợ tôi sống ly thân nhau, 04 người con

chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với chị U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/7/2007, Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18/4/2010, Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/8/2014 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 16/8/2014. Từ trước đến nay các con do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị U.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Thành N yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị U và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Chị U, anh N có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Huỳnh Thị U có hộ khẩu thường trú tại xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh N và chị U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 06/6/2007 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh N trình bày mâu thuẫn gia đình giữa anh và chị U bắt đầu phát sinh từ năm 2018, vợ chồng thường cự cãi nhau do chị U đi mua bán nhưng không về nhà. Đến tết năm 2019 thì chị U bỏ nhà đi đến nay không về và sống chung với người đàn ông khác có con chung. Từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân nhau.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị U. Chị U mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Anh N và chị U đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc với nhau, không có giải pháp nào

nhằm hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ anh N và chị U đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh N và chị U có bốn người con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/7/2007, Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18/4/2010, Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/8/2014 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 16/8/2014. Xét thấy, từ khi chị U và anh N sống ly thân đến nay, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung và tại bản trình bày ý kiến, bốn người con chung của anh N, chị U cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh N, do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của các con chung cần tiếp tục giao cháu Thanh T, cháu Thanh T1, cháu Như Y và cháu Quốc T2 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Anh N và chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Huỳnh Thị U.

Về con chung: Giao 04 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/7/2007, Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18/4/2010, Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16/8/2014 và Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 16/8/2014 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N chưa yêu cầu.

Chị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0016425 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh N đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành N, chị Huỳnh Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang